

Số: /STNMT-CCBVMT

Khánh Hòa, ngày tháng 02 năm 2022

V/v hướng dẫn kê khai, nộp phí BVMT  
đối với nước thải công nghiệp năm 2022

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (gọi tắt là Nghị định số 53). Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, chế biến (cơ sở do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong phê duyệt hồ sơ môi trường và cơ sở từ 20m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên, kể cả thẩm quyền quản lý cấp huyện) thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2022 và được đăng tải trên trang web của Sở Tài nguyên và Môi trường <http://stnmt.khanhhoa.gov.vn> (mục Môi trường), cụ thể:

**1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:** Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là các cơ sở hoạt động thuộc các loại hình theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 53.

## 2. Mức phí

*a. Trường hợp cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm:*

STT	Lưu lượng nước thải bình quân (m <sup>3</sup> /ngày)	Mức phí (đồng/năm)
1.	Từ 10 đến dưới 20	4.000.000
2.	Từ 5 đến dưới 10	3.000.000
3.	Dưới 5	2.500.000

*b. Trường hợp cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm từ 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên, được tính theo công thức sau:*

$$F_q = (f/4) + C_q$$

Trong đó:

- $F_q$ : là số phí phải nộp trong quý (đồng);
- $f$ : là phí cố định là 4.000.000 đồng/năm.

-  $C_q$ : số phí biến đổi (tổng số phí phải nộp của các thông số ô nhiễm có trong nước thải) phải nộp trong quý, theo công thức sau:

$$\text{Số phí phải nộp (đồng)} = \frac{\text{Tổng lượng nước thải thải vào nguồn tiếp nhận (m}^3\text{)}}{\text{Hàm lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải (mg/l)}} \times 0,001 \times \text{Mức thu phí của thông số ô nhiễm (đồng/kg)}$$

Trong đó:

- Thông số ô nhiễm được xác định căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải hiện hành. Trường hợp nước thải của cơ sở chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng thì căn cứ vào thông số ô nhiễm có trong hồ sơ môi trường (hồ sơ đã được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường phê duyệt, xác nhận).

- Trường hợp cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định pháp luật: Căn cứ xác định hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải để kê khai, tính phí là số liệu quan trắc nước thải định kỳ 03 tháng/lần. Trường hợp cơ sở có tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 06 tháng/lần, việc kê khai, tính phí của quý không thực hiện quan trắc căn cứ số liệu quan trắc của quý trước đó.

- Tổng lượng nước thải được xác định căn cứ vào 1 trong 3 nguồn dữ liệu sau: (i) Kết quả thực tế của đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng; (ii) Tính bằng 80% lượng nước sử dụng; (iii) Thông tin có trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ. Trường hợp có 2 nguồn dữ liệu ((i) và (ii) hoặc (i) và (iii)) hoặc cả 3 nguồn dữ liệu thì sử dụng nguồn dữ liệu (i). Trường hợp có 02 nguồn dữ liệu (ii) và (iii) thì sử dụng nguồn dữ liệu (ii).

- Trường hợp cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục đã truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thẩm định phí căn cứ vào số liệu trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo. Trường hợp thông số ô nhiễm tính phí không thuộc các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục thì hàm lượng các thông số ô nhiễm theo số liệu quan trắc định kỳ.

Mức thu phí của thông số ô nhiễm theo biểu dưới đây:

STT	Thông số ô nhiễm tính phí	Mức phí (đồng/kg)
1	COD	2.000
2	TSS	2.400
3	Hg	20.000.000
4	Pb	1.000.000
5	As	2.000.000
6	Cd	2.000.000

### 3. Kê khai

- **Đối với trường hợp cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới  $20 m^3/ngày$  đêm:** Thực hiện kê khai phí một lần về Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 02 Nghị định 53, thời gian kê khai chậm nhất **trước ngày 31/3/2022**. Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- **Đối với trường hợp cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm từ  $20 m^3/ngày$  đêm trở lên:** Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, thực hiện kê khai theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53 nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường để được thẩm định theo quy định. Nộp phí trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi có Thông báo.

**Lưu ý:** để đảm bảo việc khách quan trong công tác kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các cơ sở khi nộp tờ khai thu phí phải gửi kèm các tài liệu liên quan: bản sao hóa đơn tiền nước; đối với trường hợp có giấy phép khai thác sử dụng nước, kê khai khối lượng theo đồng hồ đo lưu lượng; bản sao kết quả phân tích mẫu nước thải và các tài liệu có liên quan.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ số 14 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang - Điện thoại: (0258) 3815650 để được hướng dẫn./.

**Nơi nhận: (VBĐT)**

- Theo danh sách;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.H.N.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Lan**